

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17-4-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Văn Nhung;

Bà Hoàng Lệ Chi.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Trần Hồng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 73/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** ông Phan Văn H, sinh năm 1956; thường trú: số B, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Bị đơn:** bà Ninh Thị L, sinh năm 1958; thường trú: số B, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Phan Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông, bà có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 năm, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 1983 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là tỉnh Nam Định).

Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng sinh sống tại tỉnh Nam Định, đến năm 1992 vợ chồng chuyển vào D, tỉnh Bình Dương sinh sống và làm việc. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc cho đến 2014 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, dần dần dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng ly thân

từ năm 2014 cho đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà L.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Phan T, sinh ngày 26/4/1984 và Phan Quỳnh P, sinh ngày 02/01/1990. Hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn bà Ninh Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với ông H về thời gian tìm hiểu, thời gian kết hôn, thời gian chung sống, thời gian ly thân. Về nguyên nhân mâu thuẫn do ông H có tính gia trưởng, không quan tâm đến gia đình, thường xuyên đi đánh bạc. Bà cũng xác định không còn tình cảm với ông H, nhưng vì các con nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Phan T, sinh ngày 26/4/1984 và Phan Quỳnh P, sinh ngày 02/01/1990. Hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn ông Phan Văn H và bị đơn bà Ninh Thị L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: ông Phan Văn H và bà Ninh Thị L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là tỉnh Nam Định) vào ngày 31/10/1983 theo giấy chứng nhận kết hôn số 750 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: ông H xác định do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, dần dần dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng ly thân từ năm 2014 cho đến nay; còn bà L xác định do ông H có tính gia trưởng, thường xuyên đi đánh bạc, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng ly thân từ năm 2014 cho đến nay, bà cũng xác định không còn tình cảm với ông H, nhưng vì các con nên bà không đồng ý ly hôn. Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn của ông H và bà L đã phát sinh trong thời gian dài, cả hai không còn tình cảm và đã ly thân nhiều năm. Điều này chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của ông bà không thể kéo dài, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông Phan Văn H1 yêu cầu được ly hôn là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Phan T, sinh ngày 26/4/1984 và Phan Quỳnh P, sinh ngày 02/01/1990. Hiện các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí: nguyên đơn có đơn xin miễn nộp án phí, theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn đã trên 60 tuổi nên được xét miễn án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn H về việc tranh chấp ly hôn với bị đơn bà Ninh Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Phan Văn H được ly hôn với bà Ninh Thị L (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 750 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là tỉnh Nam Định) cấp ngày 31/10/1983).

- Về con chung: 02 con chung tên Phan T, sinh ngày 26/4/1984 và Phan Quỳnh P, sinh ngày 02/01/1990 đã trưởng thành, ông Phan Văn H và bà Ninh Thị L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: đương sự không phải nộp.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy

